

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nô;
2. Ông Nguyễn Văn To.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số: 136/2020/QĐST-HN ngày 15/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Trúc L, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Số 5 D, khu dân cư Ba Lò, ấp 3, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Ang Nguyễn Minh P, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Số 5 D, khu dân cư Ba Lò, ấp 3, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 23/12/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Phan Thị Trúc L trình bày: Vào năm 2012, chị L và anh Ph tự tìm hiểu yêu thương và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 165/HT, quyền số 01/12 ngày 28/12/2012. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Gần đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, đời sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Hai người không còn sống chung

từ 02 năm nay. Tình cảm của chị L đối với anh P không còn, yêu cầu ly hôn với anh P.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Phan Bảo V, sinh ngày 25/12/2012 và Nguyễn Phan bảo A, sinh ngày 27/8/2017, hiện 02 cháu đang sống với chị L, chị L yêu cầu được nuôi dạy 02 con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L cho rằng chị với anh P không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình tố tụng, anh Nguyễn Minh P được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình.

Biên bản xác minh ngày 25/6/2020 của ông Nguyễn Hữu H là trưởng ấp 3, xã Vĩnh Xương cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị L với anh P thể hiện: Chị L với anh P cưới nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Xương, sau khi cưới nhau thì hai người sống ở gia đình nhà anh P tại ấp 3, xã Vĩnh Xương khoảng 7 năm thì xảy ra mâu thuẫn, L bỏ về sống tại nhà cha mẹ L cho đến nay. Theo ông H Tòa án cho hai người ly hôn nhau là hợp lý vì 02 người có khoản thời gian không còn sống chung khá lâu, không đoàn tụ lại được và sống không có hạnh phúc.

Biên bản xác minh ngày 17/02/2020 của Công an xã Vĩnh Xương thể hiện: anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1987 có hộ khẩu tại số: 05D, khu dân cư Ba Lò, tổ 15, ấp 3, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Anh P đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do anh P vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 17/02/2020, biên bản xác minh Công an xã Vĩnh Xương và biên bản không lấy được lời khai anh P.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu, anh P vắng mặt,

Chị L xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; anh P không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, Chị Cao Thị L và anh Nguyễn Minh P có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2017 phát sinh mâu thuẫn chị L và anh P có phát sinh mâu thuẫn. Chị L và anh P đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Phan Bảo V, sinh ngày 25/12/2012 và Nguyễn Phan Bảo A, sinh ngày 28/7/2017, hiện 02 cháu đang sống với chị L, chị L yêu cầu được nuôi dạy 02 con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào quyền lợi và điều kiện môi trường tốt, đề nghị giao 02 cháu V và cháu A cho chị L nuôi dạy, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Phan Thị Trúc L khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: Số 5D khu dân cư Ba Lò, tổ 15, ấp 3, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: anh Nguyễn Minh P vắng mặt, không lý do. Biên bản xác minh ngày 17/02/2020 của Công an xã Vĩnh Xương thể hiện: anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1987 có hộ khẩu tại số: 05D, khu dân cư Ba Lò, tổ 15, ấp 3, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Anh P đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Trúc L và anh Nguyễn Minh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số số 165/HT, quyền 01/12 ngày 28/12/2012. Xét, hôn nhân giữa chị L và anh P là hợp pháp.

Chị L khai, quá trình chung sống chị và anh P phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, đời sống chung

không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Hai người không còn sống chung từ 03 năm nay. Tình cảm của chị L đối với anh P không còn, yêu cầu ly hôn với anh P.

Biên bản xác minh ngày 25/6/2020 của ông *Nguyễn Hữu H* là cán trưởng ấp 3, xã *Vĩnh Xương* cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị L với anh P thể hiện: Chị L với anh P cưới nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã *Vĩnh Xương*, sau khi cưới nhau thì hai người sống ở gia đình nhà anh P tại ấp 3, xã *Vĩnh Xương* khoảng 7 năm thì xảy ra mâu thuẫn, L bỏ về sống tại nhà cha mẹ L cho đến nay. Theo ông H Tòa án cho hai người ly hôn nhau là hợp lý vì 02 người có khoản thời gian không còn sống chung khá lâu, không đoàn tụ lại được và sống không có hạnh phúc.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Anh P với chị L có thời gian dài không sống chung, 02 người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa chị L với anh P đã sống xa cách nhau từ năm 2017 đến nay.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của chị L ly hôn đối với anh P.

[2] Về con chung: Chị L khai, trong thời kỳ hôn nhân chị L với anh P có 02 con chung tên *Nguyễn Phan Bảo V*, sinh ngày 25/12/2012 và *Nguyễn Phan Bảo*, sinh ngày 28/7/2017, đang sống cùng với chị L.

Chị L yêu cầu được nuôi dạy cả 02 cháu V và Cháu Bảo, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay chị L xin rút lại phần yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, nay chị L tự nguyện nuôi con mà không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, xét thấy hợp lệ, được HĐXX công nhận.

Xét, giao cháu 02 cháu *Nguyễn Phan Bảo V* và *Nguyễn Phan Bảo A* cho chị L nuôi dạy cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Chị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh P trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L cho rằng không có, không yêu cầu giải quyết. Xét, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh P cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng giữa hai người có tài sản hoặc nợ chung thì anh P vẫn có quyền khởi kiện chị L yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phan Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị L được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0002305 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Nguyễn Minh P không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

(Theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Trúc L.

Về hôn nhân: Chị Phan Thị Trúc L được ly hôn anh Nguyễn Minh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 165/HT, quyền 01/12 ngày 28/12/2012 do UBND xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị L và anh P không còn giá trị pháp luật.

Về con chung: giao cháu 02 cháu Nguyễn Phan Bảo V, sinh ngày 25/12/2012 và Nguyễn Phan Bảo A, sinh ngày 28/7/2017 cho chị Phan Thị Trúc L nuôi dạy.

Công nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị Trúc L tự nguyện nuôi con mà không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phan Thị Trúc L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Minh P trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Nếu sau này anh P cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng giữa hai người có tài sản hoặc nợ chung thì anh P vẫn có quyền khởi kiện chị L yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị L được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0002305 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Nguyễn M Phương không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Phan Thị Trúc L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Minh P là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã Vĩnh Xương
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh